

### Chương 4: Ra Huế Lập Chính Phủ

Sự đi từ Sài Gòn ra Huế, tư lệnh bộ Nhật nói rằng tôi đau đầu và nhiều tuổi, đi tàu bay không được, vì phải bay cao, để đi xe lửa tiện hơn. Tôi bảo đi cách nào cũng được, miễn là đi được mà thôi. Xe lửa lúc bấy giờ chỉ có những toa hạng ba và hạng tư, chứ không có những toa hạng nhất và hạng nhì nữa. Song người Nhật lấy một toa hạng nhất cũ để hai cái ghế dài cho tôi đi với viên thiếu úy và một người Nhật làm thông ngôn tiếng Việt Nam.

Khi xe lửa nghỉ ở Nha Trang, tôi ghé vào nhà ông Đặng Phúc Thông coi xe lửa vùng ấy, và ăn cơm ở đấy. Tôi vào đấy là cốt hỏi tin tức nhà vì bà Thông là bạn với nhà tôi. Đến sáng ngày mùng 5 tháng tư, vào hồi 10 giờ rưỡi thì tới Huế.

Xe lửa vừa đậu xong, thấy một người Nhật ra đón, xưng tên là Urabé, làm lãnh sự Nhật ở Huế, rồi về cả nhà ông Yokohama, tôi cao cổ vấn Nhật. Đến tối gặp ông Hoàng Xuân Hãn mừng quá, ngồi uống chén nước và nói vài câu chuyện hàn huyên. Rồi tôi xin về nhà ông Hãn nghỉ. Vừa về đến nhà chưa được năm phút, thấy ông Urabé trở lại báo tin cho tôi biết là vợ con tôi ở Hà Nội đã vào đến Huế rồi.

Tính ông Urabé rất vui vẻ, ông nói rằng: "Kỳ quá, khi tôi trở về, đi qua sở hiến binh Nhật, nhân có tí việc ghé vào đấy thấy có một người con gái biết nói tiếng Nhật, nói định qua Xiêm tìm cha. Tôi hỏi thì chính là con cụ. Tôi liền đến khách sạn đón bà cụ về nhà tôi".

Ngay lúc ấy con và rể tôi ở ngoài chạy vào, mừng rỡ khóc lóc.

Hỏi ra mới biết vợ và con tôi ở Hà Nội, nghe tin tôi ở Băng Cốc, thấy Nhật Bản đảo chính rồi mà mãi không thấy tôi, mới mảy mò xin phép đi sang Xiêm tìm. Đi đến Huế nghe người ta nói mang máng là tôi đã về Huế, nhân khi xe lửa nghỉ ở đấy đến tối mới chạy, bèn vào hiến binh Nhật hỏi xem tin ấy có đúng không. Ấy là cùng một ngày không hẹn mà tôi và vợ con tôi gặp nhau ở Huế.

Vua Bảo Đại biết tin ấy, cho dọn cái nhà của viên đại úy Bon ở trước trong thành cho chúng tôi ngụ tạm. Lúc ấy tôi cũng chưa biết rõ tình thế ra sao, chỉ định ninh chờ sau khi vào yết kiến vua Bảo Đại rồi xin về Hà Nội dưỡng bệnh.

Từ trước tôi không biết vua Bảo Đại là người như thế nào. Vì trong thời bảo hộ của nước Pháp, hình như ngài chán nản không làm gì cả, chỉ săn bắn và tập thể thao. Hôm mùng 7 tháng tư tôi vào yết kiến thấy có vẻ trang nghiêm và nói những điều rất đúng đắn.

Ngài nói:

"Trước kia nước Pháp giữ quyền bảo hộ nước ta, nay đã không giữ được nước cho ta, để quân Nhật đánh đổ, vậy những điều trong hiệp ước năm 1884 không có hiệu quả nữa, nên bộ thượng thư đã tuyên hủy hiệp ước ấy. Trẫm phải đứng vai chủ trương việc nước và lập chính phủ để đối phó với mọi việc."

Tôi thưa rằng:

"Việc lập chính phủ, ngài nên dùng những người đã dự định từ trước, như Ngô Đình Diệm chẳng hạn, để có tổ chức sẵn sàng. Tôi nay thì phần già yếu bệnh tật, phần thì không có đảng phái và không hoạt động về chính trị, tôi xin ngài cho tôi về nghỉ."

Ngài nói:

"Trẫm có điện thoại gọi cả Ngô Đình Diệm về, sao không thấy về."

Tôi tâu:

"Khi tôi qua Sài Gòn, có gặp Ngô Đình Diệm và ông ấy bảo không thấy người Nhật nói gì cả. Vậy hoặc có sự gì sai lạc chăng. Ngài cho điện lần nữa gọi ông ấy về. Còn tôi thì xin ngài cho ra Bắc."

Ngài nói:

"Vậy ông hãy ở đây nghỉ ít lâu, xem thế nào rồi hãy ra Bắc."

Lúc ấy tôi mệt nhọc lắm, và có mấy người như bọn ông Hoàng Xuân Hãn đều bảo tôi trở lại. Tôi chờ đến gần mười ngày. Cách độ ba bốn hôm tôi lại đi hỏi ông tối cao cố vấn Nhật xem có tin gì về ông Diệm chưa. Trước thì cố vấn Nhật nói chưa biết ông Diệm ở đâu, sau nói ông Diệm đau chưa về được. Đó là lời tối cao cố vấn, chứ tự ông Diệm không có điện riêng xác định lại.

Vua Bảo Đại thấy tình thế kéo dài mãi cũng sốt ruột, triệu tôi vào bảo tôi chịu khó lập chính phủ mới.

Ngài nói:

"Trước kia người mình chưa độc lập. Nay có cơ hội, tuy chưa phải độc lập hẳn, nhưng mình cũng phải tỏ ra có đủ tư cách để độc lập. Nếu không có chính phủ thì người Nhật bảo mình bất lực, tất họ lập cách cai trị theo thể lệ nhà binh rất hại cho nước ta. Vậy ông nên vì nghĩa vụ cố lập thành một chính phủ để lo việc nước."

Tôi thấy vua Bảo Đại thông minh và am hiểu tình thế, liền tâu rằng:

"Nếu vì quyền lợi riêng tôi không dám nhận chức gì cả, xong ngài nói vì nghĩa vụ đối với nước, thì dù sao tôi cũng cố hết sức. Vậy xin ngài cho tôi vài ngày để tôi tìm người, để có thể được tôi xin tâu lại."

Tôi ra bàn với ông Hoàng Xuân Hãn để tìm người xứng đáng làm bộ trưởng. Nguyên tắc của tôi định trước là lựa chọn những người có đủ hai điều kiện. Một: *phải có đủ học thức và tư tưởng về mặt chính trị*, hai: *phải có đức hạnh chắc chắn để dân chúng kính phục*.

Cách lựa chọn như thế cũng khó, vì từ lâu nay chỉ có những người mềm lợm khéo thủ phụng mới được ngôi cao, quyền cả, còn những người ngay chính ẩn nấp ở đâu đâu, ít khi biết được. Người xu danh trục lợi thì rất nhiều, nhưng không phải là người đương nổi những việc trong thời kỳ khó khăn như ngày hôm nay.

Có một điều nên nói cho rõ, là trong khi tôi chọn người lập chính phủ lúc ấy, người Nhật Bản không bao giờ hỏi tôi chọn người này người kia. Tôi được hoàn toàn tự chủ tìm lấy người mà làm việc. Và tôi đã định từ trước rằng nếu người Nhật can thiệp vào việc trong nước thì tôi thôi ngay, không làm nữa.

Đến ngày cuối cùng tôi chọn được đủ người rồi kê rõ danh sách các bộ trưởng như sau:

- **Trần Trọng Kim**, giáo sư, *Nội Các Tổng Trưởng*
- **Trần Đình Nam**, y sĩ, *Nội Vụ Bộ Trưởng*
- **Trần Văn Chương**, luật sư, *Ngoại Giao Bộ Trưởng*
- **Trịnh Đình Thảo**, luật sư, *Tư Pháp Bộ Trưởng*
- **Hoàng Xuân Hãn**, toán học thạc sĩ, *Giáo Dục và Mỹ Nghệ Bộ Trưởng*
- **Vũ Văn Hiến**, luật sư, *Tài Chánh Bộ Trưởng*
- **Phan Anh**, luật sư, *Thanh Niên Bộ Trưởng*
- **Lưu Văn Lang**, kỹ sư, *Công Chính Bộ Trưởng*
- **Vũ Ngọc Anh**, y khoa bác sĩ, *Y Tế Bộ Trưởng*

- **Hồ Bá Khanh**, y khoa bác sĩ, *Kinh Tế Bộ Trưởng*
- **Nguyễn Hữu Thi**, cừu y sĩ, *Tiếp Tế Bộ Trưởng*.

Chừng mười giờ sáng ngày 17 tháng tư năm 1945, tôi đem danh sách ấy vào trình vua Bảo Đại. Vào đến nơi, tôi thấy ông Yokohama, tối cao cố vấn Nhật, đã ngồi đó rồi. Ông thấy tôi vào liền hỏi: "Cụ đã lập thành chính phủ rồi à?". Tôi nói: "Vâng, hôm nay tôi đem danh sách các bộ trưởng vào tâu trình hoàng thượng để ngài chuẩn y".

Tôi đệ trình vua Bảo Đại, ngài xem xong phán rằng: "Được". Khi ấy ông Yokohama nói: "Xin cho tôi xem là những ai". Ông xem rồi, trả lại tôi và nói: "Tôi chúc mừng cụ đã chọn được người rất đứng đắn". Sự thực là thế, chứ không như người ta đã tưởng tượng là người Nhật Bản bắt tôi phải dùng những người của họ đã định trước.

Sau khi lập xong chính phủ, họp hội đồng chính phủ, tôi muốn đặt chức Nội Các Phó Tổng Trưởng để phòng khi tôi nhọc mệt, hay đi đâu vắng có người thay tôi làm việc. Tôi xem các ông bộ trưởng lúc ấy trừ ông Lưu Văn Lang ở Sài gòn không ra nhận chức, có ông Trần Văn Chương, bộ trưởng bộ ngoại giao, là người nhiều tuổi hơn, tôi xin cử ông Chương xung chức ấy.

Cả nội các đều ưng thuận. Việc ấy là tôi định, chứ không phải do người Nhật can thiệp. Tôi nói rõ việc ấy là vì sau này tôi thấy có người nói: *Người Nhật bắt tôi phải để ông Chương làm Nội Các Phó Tổng Trưởng. Đó cũng là một sự tương lầm.*

Khi tôi đứng ra lập chính phủ, không phải không hiểu tình thế rất khó của nước Việt Nam đối với nước Pháp, và nước Pháp với các nước Đồng Minh. Sự biến xảy ra ở nước Việt Nam, nguyên là một nước có văn hóa có chế độ phân minh, nhân khi trong nước suy nhược, người Pháp sang lấy võ lực bắt phải chịu cuộc bảo hộ của người Pháp. Dù có hiệp ước của triều đình Việt Nam đã ký với người Pháp, chẳng qua cũng chỉ là một tờ hiệp ước cưỡng bách mà thôi. Và chính người Pháp về sau cũng đã không giữ đúng những điều ký trong hiệp ước ấy. Nay nước Pháp thất bại, để người Nhật chiếm giữ mất cả quyền lợi, vua Bảo Đại đã đứng lên tuyên bố độc lập thì nghĩa vụ của người Việt Nam là ai nấy đều phải cố sức làm việc giúp nước, rồi sau tình thế thay đổi thế nào sẽ có cuộc điều đình cho đúng công lý và đúng phong trào hiện thời.

Theo lý tưởng ấy, nên ngay từ lúc đầu trong lời tuyên bố của chính phủ, tôi đã nói những công việc quốc dân phải lo để gây lại nền tự chủ nước nhà mà thôi, chứ không nói về việc chiến tranh của nước Nhật với các nước Đồng Minh, chủ ý muốn tránh sự người Nhật có thể lôi kéo người mình vào cuộc chiến tranh của họ. Lúc chính phủ chúng tôi mới lập ra, bao nhiêu chính quyền của người Pháp giữ trước và việc cai trị ở các tỉnh đều do viên tối cao cố vấn Nhật tạm thời quyết định. Những văn thư và tờ trình báo, các cơ quan ở tỉnh đều gửi qua bên phòng tối cao cố vấn.

Những dinh thự của các bộ trưởng, thượng thư cũ đều chật hẹp, dột nát, dơ bẩn, không ở và làm việc được. Vậy trước hết, phải lo tìm nhà và các sở làm việc.

Khi còn chính phủ bảo hộ thì có hai chính phủ, mọi việc quan hệ đến chính trị trong nước thì do chính phủ bảo hộ định đoạt. Chính phủ Nam Triều có vua và triều đình, nhưng chỉ đặt ra để thi hành những mệnh lệnh của chính phủ bảo hộ mà thôi, chứ không có quyền hành gì cả. Nay phải hợp nhất cả hai chính phủ này, bắt các quan ở các tỉnh chỉ được trực tiếp với chính phủ Việt Nam mà thôi, và cấm không cho gửi văn thư về sở tối cao cố vấn Nhật nữa.

May lúc đó được viên tối cao cố vấn Nhật là ông Yokohama, một người am hiểu tình thế và nhã nhặn, cho nên mọi việc cũng giải quyết được dễ dàng.

Đem lại sự thống nhất trong việc cai trị như thế mà cũng mất hơn một tháng mới xong. Ấy là chỉ nói việc sửa đổi cai trị thôi, còn các cơ quan trọng yếu như công an, sở tuyên truyền công văn hãy còn ở trong tay người Nhật cả.

Quan lại ở các tỉnh, phần nhiều là những tham quan ô lại chỉ quen sự thi hành mệnh lệnh của người Pháp, chứ không mấy người có đủ tư cách làm người công chức một nước tự chủ. Muốn thay đổi các quan lại là một chuyện rất khó. Những người làm chính trị nói huyền thuyên thì nhiều, song những người chín chắn biết suy nghĩ và biết cách đối lại với dân chúng cho êm ái thì ít. Việc chính trị là một việc rất phức tạp, cần phải có nhiều lịch duyệt và tài cán mới làm được. Nay muốn thay đổi các quan lại, thì phải từ từ lựa chọn nhân viên cho xứng đáng, chứ đem người mới làm việc lại dở hơn người cũ, thì chỉ làm rối việc chứ không có ích gì. Tuy thế, nhưng chỗ nào có viên tỉnh trưởng bất lực lắm, chúng tôi cố tìm trong những nhân vật mới, xem ai có thể làm được đem ra thay. Hãy làm thử như thế một vài nơi xem hiệu quả thế nào. Nhưng xét ra hiệu quả mong đợi cũng không được mỹ mãn lắm.

Chính sách của chúng tôi lúc bấy giờ, vì tình thế chưa được vững chắc nên phải đi từ từ, không làm điên đảo hết cả, sợ gây ra rối loạn.

Việc quan hệ nhất về đường nội trị lúc ấy là phải lo sự vận tải để tiếp tế miền bắc, dân tình đói khổ người chết đói hàng ngàn hàng vạn. Vì vậy chúng tôi ra Bộ Tiếp Tế chuyên coi việc vận tải thóc gạo trong nam ra bắc. Bộ ấy không đạt được mục đích của chính phủ vì sự vận tải khó khăn quá, đường xe lửa bị hư hỏng, thuyền bè đi ngoài bể bị tàu ngầm đánh và bị cướp bóc mất cả.

Việc binh bị trong nước là việc quan trọng đến vận mạng cả nước, mà lúc ấy quân lính và súng ống không có. kinh đô Huế có tất cả hơn một trăm lính bảo an, tức lính khổ xanh cũ, và sáu bảy chục khẩu súng cũ đạn cũ, bắn mười phát thì năm sáu phát không nổ.

Các tỉnh cũng vậy, mỗi tỉnh có độ 50 lính bảo an, các phủ huyện thì độ chừng vài chục người. Việc phòng bị do quân Nhật đảm nhiệm hết. Vì lẽ đó và các lẽ khác nữa mà lúc đầu chúng tôi không đặt bộ quốc phòng. Một là trong khi quân Nhật đang đóng ở trong nước, nếu mình đặt bộ quốc phòng thì chỉ có danh không có thực, và người Nhật có thể lợi dụng bắt người mình đi đánh giặc với họ. Hai là trước khi mình có đủ binh lính và binh khí, ta hãy nên gây cái tinh thần binh bị, thì rồi quân đội mình mới có khí thế.

Nhiều người ở ngoài không hiểu ý chúng tôi buông lời bài xích rằng sao có chính phủ mà không có bộ quốc phòng. Họ không biết rõ tình thế lúc bấy giờ bắt chúng tôi phải trù tính mọi việc cho chu đáo, tránh làm những việc hớ hênh có hại cho dân cho nước. Không có bộ quốc phòng, nhưng lại có bộ thanh niên, lập ra các đạo thanh niên tiên tuyến, để một ngày kia thành những đội quân có tinh thần mạnh mẽ.

Nói về chương trình chính trị của chính phủ lúc ấy, chúng tôi đã có chương trình dự định trước. Theo ý tôi, bất cứ trong một chính thể nào, việc của chính phủ là phải lấy sự dân sinh làm trọng, nghĩa là phải làm cho dân an cư lạc nghiệp, rồi tìm cách giáo hóa nâng cao trình độ dân chúng về đường tinh thần và đường vật chất cho hợp thời để tiến thủ với các dân tộc khác, mà vẫn giữ được đặc tính của mình. Song trong tình thế của nước Việt Nam mới bước đầu đi vào con đường tự chủ, có nhiều sự cản trở khó khăn, chúng tôi phải lo làm những việc cần kíp có thể làm ngay được, như việc tiếp tế đã nói ở trên, việc mời các chính khách còn phiêu lưu nước ngoài trở về nước, và xóa bỏ những hình ảnh bất công để những người ái quốc còn đang bị giam cầm trong các lao ngục có thể tùy tài ra tham dự việc kiến thiết quốc gia. Chúng tôi lại muốn gây nuôi lòng hy sinh vì nước mà dựng đài kỷ niệm ở các nơi đô thị lớn để ghi những sự nghiệp của các bậc anh hùng chí sĩ đã quên mình vì nòi giống, vì tổ quốc trong khoảng bảy tám mươi năm vừa qua.

Đối với quan lại cũ, có nhiều người đã quen thói tham nhũng, chúng tôi định sẽ tìm cách trừng trị rất nghiêm. Nhưng lúc đầu chúng tôi muốn mở rộng con đường cải thiện để ai biết hối quá cải tà qui chính, thì được yên ổn làm việc, cốt để gây lại lòng biết liêm sỉ của người đã đi làm đường lạc lối. Những công việc ấy, chúng tôi đã khởi đầu làm cả.

Về đường cải tổ chính thể, là những việc quan trọng, cần phải có thì giờ suy nghĩ kỹ. Trước hết chúng tôi lập ra những tư vấn hội nghị ở các địa phương theo phương pháp của chúng tôi đã định, để chọn lấy những người lịch duyệt và có học thức ra giúp các cơ quan hành chính địa phương, lo việc cai trị trong hạt. Những tư vấn hội nghị địa phương ấy sẽ chọn lấy những người xứng đáng lập thành một tư vấn hội nghị toàn quốc, giúp chính phủ trong việc cải tổ quốc gia và thảo một dự án về hiến pháp, đợi đến khi có quốc hội lập hiến sẽ đem ra thảo luận.

Đó là chương trình những việc chính phủ dự định để tùy tình thế và phương tiện mà thi hành. Nhưng vì thời gian eo hẹp quá, nên chưa thực hiện được.

Nước Việt Nam đã là một nước tự chủ thì phải có quốc kỳ và quốc ca. Bài quốc ca thì từ trước vẫn dùng bài "Đăng Đàn" là bài ca rất cổ, mà âm điệu nghe nghiêm trang. Chúng tôi nghĩ: trước khi có bài nào hay hơn và có nghĩa lý hơn thì hãy cứ dùng bài ấy.

Còn lá quốc kỳ, mỗi người bàn một cách, chúng tôi định đem hỏi mọi người trong nước và ai có ý kiến gì, thì vẽ kiểu gửi về. Có kiểu lá cờ vàng có quẻ ly ở giữa là có ý nghĩa hơn cả. Chúng tôi định lấy kiểu ấy làm quốc kỳ.

Lá cờ vàng là từ xưa nước ta vẫn dùng. Trong sách Quốc Sử Diễn Ca nói khi bà Triệu Ẩu nổi lên đánh quân Tàu, đã dùng lá cờ ấy khởi nghĩa, nên có câu rằng "*Đầu voi phát ngọn cờ vàng*". Vậy lấy sắc cờ vàng là hợp với cái ý cách mệnh của tổ quốc, lấy dấu hiệu quẻ ly là vì trong lối

chữ tối cổ của ta có tám chữ viết bằng vạch liền (dương) và những vạch đứt (âm) để chỉ tám quẻ, chỉ bốn phương chính và bốn phương bàng, nói ở trong kinh dịch, mà quẻ ly chủ phương nam. Chữ LY còn có nghĩa là lửa, là văn minh, là ánh sáng phóng ra bốn phương.

Lấy sắc vàng là hợp với lịch sử, lấy quẻ ly là hợp với vị trí nước nhà lại có nghĩa chỉ một nước văn hiến như ta thường tự xưng. Như thế là lá cờ vàng quẻ ly có đủ các ý nghĩa.

Song có người nói: cờ quẻ ly là một điềm xấu cho nên thất bại, vì ly là lia. Ly là lia là một nghĩa khác chứ không phải nghĩa chữ ly là quẻ. Và việc làm của một chính phủ là cốt ở cái nghĩa lý, chứ không phải sự tin nhầm vô ý thức.

Việc thất bại là vì tình thế chứ không phải vì lá cờ. Giả sử dùng lá cờ khác mà trong hoàn cảnh lúc ấy có thể thay đổi được gì không?

Việc chính trị ở trung bộ dần dần đã rõ rệt, nhưng ở bắc bộ và Nam Bộ còn trong tay người Nhật. Chính phủ trước phải lo thu lại hết toàn thể nước Việt Nam về một mối. Nước Việt Nam từ Bắc chí Nam vốn là một nước duy nhất về lịch sử, về phong tục và về ngôn ngữ. Tuy về địa dư thì hình thể nước chạy dài hơn hai ngàn cây số, nhưng tính cách duy nhất thật rõ rệt, ít nước nào trong thiên hạ được như thế. Sau vì có sự lấy thuộc địa và sự bảo hộ của nước Pháp, đem chia nước làm ba đoạn là Nam kỳ, Trung kỳ và Bắc kỳ. Mỗi một kỳ có một chính sách khác nhau như ba nước vậy. Sự chia ngắt ra như thế là một lối chính trị dùng phương pháp "*chia ra để thống trị*". Song sự chia ngắt ấy lấy áp bức mà đặt ra, chứ về phương diện người bản quốc thì chữ "kỳ" chỉ có nghĩa là khu, xứ, bộ, phận, như ta nói: xứ Bắc, xứ Trung, xứ Nham mà thôi, không có nghĩa gì là một nước. Người Pháp cũng biết thế nên mới dựng tiếng Tàu là Tông Kinh (Đông Kinh) gọi Bắc kỳ, và dùng tiếng Cochinchine là tiếng gì chẳng biết để gọi Nam kỳ cho ra vẻ ba nước khác nhau. Nhưng khi ai hỏi một người Việt Nam, bất cứ ở Nam hay Bắc, là người nước nào, thì người Việt Nam ấy tự nhiên đáp lại rằng: "Tôi là người An Nam". Tiếng An Nam là tiếng người ta đã quen dùng từ đời Lê thành ra phổ thông hơn.

Vậy việc thu cả ba kỳ về quyền trung ương để thống nhất đất nước như khi chưa bị sự bảo hộ của nước Pháp là việc rất trọng yếu của chính phủ tôi. Trong sự điều đình với người Nhật để thu lại lãnh thổ nước Việt Nam gặp nhiều sự khó khăn. Trước hết người Nhật bằng lòng trả đất Bắc Bộ cho chính phủ Việt Nam, song những đất thuộc ba thành: Hà Nội, Sài Gòn, Đà Nẵng và Nam Bộ là đất vua Việt Nam ngày trước đã ký kết cho nước Pháp thì người Nhật đòi tạm giữ đến khi nước Việt Nam hoàn toàn độc lập sẽ trả sau.

Chính phủ Việt Nam viện lẽ quân Nhật đánh quân Pháp để giải phóng cho Việt Nam và vua Bảo Đại đã tuyên bố bỏ hết những hiệp ước đã ký với nước Pháp, thì lẽ tất nhiên là người Nhật phải trả toàn lãnh thổ cho vua Việt Nam. Nay nếu người Nhật cứ giữ lấy những đất ấy là trái với lời hứa hẹn trước.

Trong khi còn đang điều đình về việc thu toàn lãnh thổ, chúng tôi đã định áp dụng dự án của chúng tôi về đường chính trị, là chính phủ trung ương nhiếp thống hết cả những cơ quan quan hệ đến cuộc chính trị chung cả nước như quốc phòng, ngoại giao, tài chánh, giáo dục v...v... Còn về đường cai trị thì chia nước ra mấy địa phương, đại khái như Bắc Bộ Địa Phương, Trung Bộ Địa Phương và Nam Bộ Địa Phương. Mỗi địa phương được quyền tự trị về phương diện cai trị và kinh tế. Các cơ quan hành chính các địa phương do chính phủ trung ương chọn người bản xứ cử ra và có các nhân vật hội nghị kiểm duyệt. Khi còn chờ có hiến pháp và sự tuyển cử phân minh, các cơ quan hành chính ở các địa phương hãy tạm cử những nhân vật xứng đáng ra xung chức địa phương tư vấn nghị viên. Chúng tôi cho chính sách địa phương tự trị như thế có nhiều điều tiện lợi và hợp với tình thế từng xứ về đường cai trị và đường kinh tế, mà không hại gì cho sự thống nhất của nước nhà.

Khi người Nhật đã trả lại đất Bắc bộ, chính phủ cử ông Phan Kế Toại, đã làm chức tổng đốc và có tiếng là người thanh liêm hơn cả, ra xung chức Bắc bộ Khâm Sai. Nhật trả đất Bắc bộ, nhưng vẫn giữ những thành thị Hà Nội, Hải Phòng, Đà Nẵng và xứ Nam bộ. Nhật lại giữ hết những cơ quan trọng yếu như sở công an, sở tuyên truyền và các công sở thuộc phủ toàn quyền cũ của Pháp, như nha học chính, nha tư pháp, sở bưu điện, sở công chánh, sở tài chính v...v...

Trong khi chúng tôi phải lo làm mọi việc và còn phải điều đình với người Nhật để thu lại những lãnh thổ nước nhà, thì ở Huế có người phát truyền đơn nói thể nọ thể kia, nhất là nói ông Ngô Đình Diệm không về là vì chưa lấy lại đất Nam bộ. Lại có một người Nhật nói ra nói vào rằng: *trong nội các chỉ có những người chuyên môn chứ không có người chính trị. Cái ý của bọn ấy là muốn đưa những người thân với họ vào nội các. Song chúng tôi nghĩ: người làm việc nước lúc ấy cần phải là những người ngay chính và có học thức, chứ không cần những người xảo trá, xưng danh trục lợi, gió chiều nào theo chiều nấy.* Vì vậy thành ra có nhiều chuyện mè nheo rất khó chịu.

Tôi phần bị nhọc mệt, phần thấy nhiều sự trắc trở đã mấy lần muốn từ chức về nghỉ. Song nghĩ nước mình mới lần đầu lập một chính phủ có quyền tự trị, công việc chưa xong gì cả mà bỏ về, thì đối với nghĩa vụ không trọn vẹn. Và trước khi lui bước, tôi cần biết rõ sự thực. Thà ra Hà Nội trực tiếp với viên tổng tư lệnh Nhật, kiêm chức toàn quyền cũ nước Pháp, xem tình ý thế nào rồi sẽ liệu. Trước tôi đã nhờ ông Trần Văn Chương, bộ trưởng bộ ngoại giao, ra Hà Nội điều đình mọi việc, nhưng không xong. Tôi định phen này ra, nếu công việc thực hiện được thì lấy ngay ba thành thị: Hà Nội, Hải Phòng, Đà Nẵng và đất Nam bộ, thế là làm tròn nhiệm vụ thu được toàn lãnh thổ nước Việt Nam. Nhược bằng không xong thì tôi về xin từ chức cũng không sao. Tôi nghĩ thế nên trước khi đi đã nhờ người thuê cho cái nhà ở làng Lại Thế gần Huế, để có thời việc tôi ra nghỉ đây ít lâu trước khi về Hà Nội.

Trong khi tôi dự định ra Hà Nội thì ở ngoài Hà Nội xảy ra việc người Nhật bắt bọn thanh niên Việt Nam theo đảng Việt Minh chống Nhật.

Tôi cần phải ra ngay để hiểu rõ tình thế.

Đảng Việt Minh là gì và do đâu mà ra? Trước thì ít người biết rõ căn nguyên, sau đi đây đó xét hỏi kỹ càng mới biết rõ nguồn gốc. Thoạt đầu vào khoảng năm 1938 ở Bắc Việt đã nghe nói có đảng Việt Minh hành động ở mạn thượng du, nhưng lúc ấy ai cũng tưởng là một đảng cách mệnh mới nào đó nên không để ý đến mấy.

Nguyên từ khoảng 1925-1926 trở đi, ở Việt Nam đã có người nói đến chủ nghĩa cộng sản. Lúc ấy có một thiếu niên tên Nguyễn Tất Thành, sinh năm 1894, con nhà thi lễ, quê làng Kim Liên huyện Nam Đàn thuộc tỉnh Nghệ An. Trước học trường trung học ở Huế rồi bỏ sang Pháp theo Xã Hội Đảng, lấy tên là Nguyễn Ái Quốc. Sau lại sang Nga vào đảng Cộng Sản, đến khoảng 1929-1930 ông trở về gây phong trào cộng sản cách mệnh ở vùng Nghệ Tĩnh. Lúc ấy chính phủ bảo hộ Pháp dùng vũ lực đàn áp một cách tàn nhẫn. Việc ấy thất bại, đảng cộng sản tuy phải im hơi lặng tiếng, nhưng vẫn ngấm ngầm tuyên truyền trong đám dân gian và thợ thuyền, theo đúng phương pháp đã định ở Mạc Tư Khoa bên Nga.

Trong khoảng thời gian ấy, Nguyễn Ái Quốc lánh sang Hương Cảng, bị người Anh bắt. Người Pháp muốn đòi người Anh giao trả cho chính phủ Đông Dương, song theo tục lệ Anh, người Anh không giao trả những người can phạm vào việc chính trị, vì vậy ông phải giam ít lâu rồi được tha và bị đuổi ra khỏi Hương Cảng.

Ông Nguyễn Ái Quốc sang Quảng Châu và phao tin rằng ông đã chết trong ngục khi bị bắt ở Hương Cảng, và lại đổi tên là Lý Thụy rồi chen lẫn với những người cách mệnh Việt Nam ở bên Tàu. Vào khoảng 1936-1937 ông lập ra đảng cộng sản gọi là Việt Nam Độc Lập Đồng Minh, gọi tắt là Việt Minh, và cho người về hoạt động ở miền thượng du Bắc Việt. Vì vậy thuở ấy người ta mới biết là có đảng Việt Minh.

Đến cuối năm 1940 nhân khi quân Nhật Bản ở Quảng Tây đánh vào Lạng Sơn, những người như bọn ông Trần Trung Lập trong đảng Việt Nam Quang Phục Hội của ông Phan Bội Châu lập ra khi trước, theo quân Nhật về đánh quân Pháp hồi tháng chín năm 1940. Sau vì người Nhật ký hiệp ước với người Pháp rồi trả lại thành Lạng Sơn cho người Pháp, ông Trần Trung Lập bị quân Pháp bắt được đem xử tử. Toán quân phục quốc vỡ tan, có một số độ 700 người, trong số ấy có độ 40 nữ đảng viên theo ông Hoàng Lương chạy sang Tàu.

Vậy các đảng của người Việt Nam ở bên Tàu vào khoảng năm 1942 trở đi, có Việt Nam Phục Quốc Đồng Minh Hội, Việt Nam Quốc Dân Đảng và những người cách mệnh không có đảng phái v...v...

Thuở ấy, chính phủ Trung Hoa thấy những đảng viên Việt Nam Độc Lập Đồng Minh Hội hành động theo chủ nghĩa cộng sản, bèn xuống lệnh giải tán đảng ấy và bắt Lý Thụy giam trong hang đá ở Liễu Châu, ủy cho tướng Trương Phát Khuê chủ trương việc tập hợp các đảng phái cách mệnh Việt Nam lập thành một đảng để hành động cho có hệ thống. Trương Phát Khuê giao cho ông Hoàng Lương trừ liệu việc ấy.

Ngày mùng 1 tháng mười năm 1942, ông Hoàng Lương chiêu tập ở Liễu Châu những người trong các đảng phái hay không có đảng phái để lập ra một đảng duy nhất gọi là Việt Nam Cách Mệnh Đồng Minh Hội, gồm đại biểu các đảng sau đây:

- 1) Việt Nam Phục Quốc Đồng Minh Hội, có Hoàng Lương và Hồ Học Lãm làm đại biểu.
- 2) Việt Nam Quốc Dân Đảng, có Vũ Hồng Khanh và Nghiêm Kế Tổ làm đại biểu.
- 3) Vô đảng phái, có Trương Bội Công, Nguyễn Hải Thần, Trần Báo, Trương Trung Phụng làm đại biểu.

Các đại biểu trước hết lập thành một ủy ban trừ bị do Nguyễn Hải Thần chủ tọa để xếp đặt mọi việc.

Lúc ấy Lý Thụy còn phải giam, ủy ban trừ bị đứng ra bảo đảm với chính phủ Trung Hoa, xin lĩnh ra để cùng làm việc. Theo lời một người Việt Nam có mặt trong hội nghị ấy đã nói: Lý Thụy có kết nghĩa với một người cộng sản Tàu tên là Hầu Chí Minh, làm chức thiếu tướng trong quân đội thuộc quyền chỉ huy của Trương Phát Khuê. Khi ở nhà ngục ra, ông muốn tỏ tình thân ái với bạn mới lấy tên là Hồ Chí Minh. Khi ông được tha ra, liền tuyên thệ xin hết lòng trung thành với Việt Nam Cách Mệnh Đồng Minh Hội mà làm việc.

Việt Nam Cách Mệnh Đồng Minh Hội đã thành lập, đổi ủy ban trừ bị ra làm ủy ban chấp hành. Khi ấy ông Hoàng Lương vì có sự gì xích mích với chính phủ Trung Hoa nên bị bắt đem về Trùng Khánh. Bởi vậy ủy ban chấp hành chỉ có những người này:

Trương Bội Công, chủ tọa.

Trần Đình Xuyên.

Nguyễn Hải Thần.

Vũ Hồng Khanh, ủy viên.

Bồ Xuân Luật.

Trương Trung Phụng.

Nông Kính Du.

Hồ Chí Minh được cử làm hậu bổ ủy viên và Trần Báo làm tổng cán sự.

Việt Nam Cách Mệnh Đồng Minh Hội vừa thành lập chưa được bao lâu thì đã có sự bất hòa trong nhóm ủy viên, nên chủ tọa là Trương Bội Công từ chức và bỏ về Vân Nam rồi mất ở đấy. Hội cử ông Nguyễn Hải Thần lên làm chủ tọa.

Trong những người cách mệnh Việt Nam hoạt động bên Tàu thuở ấy, ta có thể biết những người này:

- **Trương Bội Công**, người Thanh Hóa, có nghị lực và cương quyết, trước học trường võ bị và làm đến chức thiếu tướng trong quân đội Tàu.

- **Nguyễn Hải Thần**, chính tên là Vũ Hải Thu, người tỉnh Hà Đông. Ông là người lão thực, trước đã thi đỗ tú tài, thường gọi ông Tú Đại Từ. Khi ông Phan Bội Châu xướng lên việc xuất dương vào quãng năm 1905-1906, ông ra ngoài vào học trường võ bị Hoàng Phố gần Quảng Châu. Ông quen biết Tôn Dật Tiên, Tưởng Giới Thạch, Ngô Thiết Thành, Trần Lập Phu v...v... Vì có sự quen biết ấy, nên khi ông Tưởng Giới Thạch làm giám đốc trường Hoàng Phố, có đưa ông vào làm một chức giáo sư ở trường, dạy về chính trị, mỗi tháng được sáu bảy chục tiền Tàu, lúc ấy cũng đủ ăn tiêu. Một năm ở Nam Định có cuộc xướng danh khoa thi hương, toàn quyền Sarraut về chứng cuộc ấy, ông về ném quả tạc đạn định giết viên toàn quyền. Nhưng tạc đạn không nổ, ông chạy thoát, đổi tên là Nguyễn Cẩm Giang. Một lần nữa sau cuộc chiến tranh 1914-1918 ông đem một toán quân thổ phỉ về đánh châu Đà Long, ta thường gọi là châu Đà Lùng thuộc Cao Bằng. Việc thất bại ông sang ở luôn bên vùng nam nước Tàu và đổi tên là Nguyễn Hải Thần. Sự nghiệp cách mệnh của ông chứng rõ trong bài thơ sau này, ông gửi cho tôi khi tôi ở Quảng Châu vào khoảng cuối năm 1946:

*Bốn chục năm nay vị nước nòi  
Nước nòi chưa mạnh, quyết chưa thôi  
Đà Long phát trận gươm ba tấc  
Nam Định tương bom lửa một mồi  
Cha đưa cấn gà toan cống rắn  
Mẹ thẳng giày mã dăm đem voi  
Nào ai mãnh sĩ mưu thần đó  
Góp sức đùn tay để cứu đời*

- **Vũ Hồng Khanh**, tức là Giáo Giản, trước làm giáo học ở một trường tiểu học Bắc Việt, sau theo Nguyễn Thái Học vào Quốc Dân Đảng khởi nghĩa ở Yên Bái, rồi chạy sang Tàu ở bên Vân Nam.

- **Nguyễn Tường Tam**, có bằng khoa học cử nhân, trước đứng chủ trương báo Phong Hóa rồi Ngày Nay ở Hà Nội và lập ra đảng Đại Việt Dân Chính. Đến khi quân Nhật vào đóng ở Đông Dương, vì sự hành động của bọn ông, người Pháp toan bắt, ông nhờ quân đội Nhật đưa sang ở Quảng Châu rồi sang Quảng Tây, nhập vào Việt Nam Cách Mệnh Đồng Minh Hội.

Những người ấy tuy nói là đảng nọ phái kia, nhưng kỳ thực không có sự tổ chức gì ra trò. Bọn ông Hồ Chí Minh biết như thế nên mới lợi dụng danh hiệu Việt Nam Cách Mệnh Đồng Minh Hội để che đậy công việc làm.

Đảng Việt Minh cộng sản có tổ chức rất chu mật và theo đúng phương pháp khoa học. Trong khi ông Hồ Chí Minh ở bên Tàu để chờ đợi thời cơ, ở trong nước đâu đâu cũng có cán bộ, ngấm ngấm hành động và tuyên truyền rất khôn khéo. Họ lợi dụng lòng ái quốc của dân chúng mà tuyên truyền Việt Minh không phải là đảng cộng sản, chỉ là một mặt trận gồm tất cả các đảng phái lấy lại độc lập cho nước nhà, vậy nên từ bắc chí nam đâu cũng có người theo.

Cách hành động của họ thì bất cứ công sở hay tư sở, hễ đâu có một tổ chức làm việc là có người của họ chen lẩn vào, hoặc để tuyên truyền, hoặc để hoạt động theo chủ nghĩa họ. Đảng viên cộng sản lại biết giữ kỷ luật rất nghiêm và rất chịu khó làm việc. Xem như Hội Truyền Bá Quốc Ngữ khi mới thành lập ở Hà Nội là có ngay những người cộng sản vào hội rồi, và những người nhận việc đi dạy học rất chăm, không quản công lao gì cả. Một tổ chức có kỷ luật và chịu khó làm việc như thế, làm gì mà không mạnh.

Sự tổ chức của đảng cộng sản đã mạnh và nhất là từ khi quân Nhật Bản vào đóng ở Đông Dương, rồi xem hình như người Pháp lại ngấm ngấm dung túng họ, có ý để họ quấy nhiễu quân Nhật may ra có xảy biến đổi gì chẳng. Cho nên người ta thấy lúc ấy chính phủ bảo hộ vẫn bắt bớ những người làm thuyền thợ theo cộng sản, song người cộng sản nào có chút thế lực thì bắt rồi lại thả ra, hoặc dùng để làm việc với mình. Cái tình thế đảng cộng sản ở trong nước trước khi có cuộc đảo chính của quân Nhật là thế.

Trong khi ấy ông Hồ Chí Minh ở bên Tàu vẫn cộng tác với Việt Nam Cách Mệnh Đồng Minh Hội, không có tranh dành địa vị như những người khác, cứ làm việc của một đảng viên có kỷ luật. Cái khôn khéo của ông lúc ấy không để lộ cho ai biết ông là lãnh tụ đảng cộng sản Đông Dương.

Việt Nam Cách Mệnh Đồng Minh Hội ở Liễu Châu được ít lâu rồi vì sự tấn công của quân Nhật, hội phải dời về Bách Sắc và đặt thêm hai chi bộ; một chi bộ ở Côn Minh do Vũ Hồng Khanh quản lý, và một chi bộ ở tỉnh Quảng Tây do Trương Trung Phụng quản lý.

Về khoảng cuối năm 1944, Việt Nam Cách Mệnh Đồng Minh Hội lại dời về tỉnh Quảng Tây và cho ông Hồ Chí Minh về Bách Sắc để tru liệu kế hoạch nhập Việt. Sau đó hội cho ông Hồ Chí Minh cùng 22 đảng viên phần nhiều là người trong đảng Phục Quốc về nước để khởi sự hành động. Trong số 22 người ấy có một nữ đảng viên tên là Đỗ Thị Lạc là người sau có đứa con gái với Hồ Chí Minh. Về sau thấy người ta nói khi về đến địa hạt Bắc Giang, có ba đảng viên trong 22 người ấy bị giết vì không chịu theo cộng sản.

Lúc đầu bọn ông Hồ Chí Minh chia ra làm hai đoàn. Một đoàn có ông Đặng Văn Ý, cựu trung úy trong quân đội Pháp trước về Lạng Sơn đánh lấy đồn Bảo Lạc, thuộc Hà Giang. Một đoàn đi với Hồ Chí Minh có Vũ Nam Long, sau thường gọi là tướng Nam Long, đánh lấy đồn Đồng Mu.

Từ đó bọn ông Hồ Chí Minh bỏ danh hiệu Việt Nam Cách Mệnh Đồng Minh Hội mà dùng danh hiệu cũ là Việt Nam Độc Lập Đồng Minh, tức Việt Minh, và dùng cờ đỏ sao vàng của cộng sản. Rồi đến quãng đầu tháng ba năm 1945 thì về đến vùng Văn Lãng, thuộc Thái Nguyên giáp

Tuyên Quang và lập trụ sở bí mật ở đó. Từ bấy giờ trở đi, đảng Việt Minh hành động rất mạnh, nhưng cái tên Hồ Chí Minh vẫn giữ rất kín cho đến gần cuối tháng tám, sau khi cướp được chính quyền ở Bắc bộ, người ta mới nghe nói.

Các chi bộ cộng sản ở Trung và Nam Bộ đã sẵn sàng đâu đấy cả rồi, song cứ phải giữ bí mật, đợi khi có mệnh lệnh mới được ra mặt hành động. Bắc bộ, một mặt họ sai những người táo tợn đi đánh phá các nơi, hễ đâu có ai ra mặt chống họ, họ bắt đi hay giết chết, làm cho dân chúng khiếp sợ. Một mặt họ cho người đi diễn thuyết và tuyên truyền rằng đảng Việt Minh đã có các nước Đồng Minh là Tàu, Nga, Mỹ ủng hộ và giúp cho binh khí để đánh bọn độc tài Pháp và Nhật. Họ lại nói rằng quân Việt Minh đã đánh lấy được mấy tỉnh ở mạn thượng du Bắc bộ rồi.

Vào khoảng tháng 5 năm 1945, người Nhật thấy Việt Minh có thế mạnh, tưởng là một đảng theo chủ nghĩa quốc gia, bèn cho người đi tìm cách điều đình. Đến ngày mùng 9 tháng năm, hai người Nhật và một người Việt Nam làm thông ngôn lên đến Ký Phú gần huyện Đại Từ thuộc Thái Nguyên, đều bị quân Việt Minh giết cả. Việt Minh lại sai người về ám sát mấy người sĩ quan Nhật ở giữa Hà Nội và cho người đi đánh phủ nọ huyện kia. Các quan phủ huyện, người thì bị bắt, người thì chạy trốn, dân tình nôn nao cả lên. Những thanh niên Việt Nam lúc ấy phần nhiều cũng theo Việt Minh và đi tuyên truyền rầm rĩ. Người Nhật thấy vậy bèn ra lệnh bắt các thanh niên và những người họ ngờ theo Việt Minh đem giam và tra tấn rất cực khổ.

Khi tôi được tin người Nhật bắt các thanh niên ở Hà Nội, lập tức tôi thu xếp ra Bắc. Hôm sau tôi nói chuyện với ông Yokohama, tối cao cố vấn Nhật, rằng hai ngày nữa tôi ra Hà Nội. Ông ấy bảo tôi: "Cụ đang nhọc mệt ra Hà Nội làm gì, mọi việc dần dần rồi đâu ra đấy cả". Tôi nói thật ý định của tôi, ông Yokohama không nói gì. Đến sáng hôm sau ông nói rằng: "Nếu cụ đi Hà Nội, thì tôi cùng đi với cụ". Tôi bảo được thế càng hay.

Tôi ra Hà Nội, cùng đi có các ông Hoàng Xuân Hãn bộ trưởng bộ giáo dục, ông Vũ Văn Hiến bộ trưởng bộ tài chính, ông Phan Anh bộ trưởng bộ Y Tế, đề phòng khi điều đình ổn thỏa, sẽ lấy lại các công sở.

Đi lúc bấy giờ rất khó khăn, ngày đêm tàu bay Mỹ sang đánh phá, phải đêm đi ngày nghỉ. Ra đến Hà Nội được mấy ngày ông Vũ Ngọc Anh đi về Thái Bình thăm nhà và xem những bệnh viện vùng ấy, rồi đến khi trở về gần Bần Yên Nhân, bị tàu bay Mỹ bắn chết.

Thế là trong nội các mất một ông bộ trưởng rất tận tâm về việc nước, và chúng tôi mất một người bạn hòa nhã và trung thành.

Tôi đến Hà Nội hôm trước, hôm sau đến gặp ông Tsuchi-Hashi Yuitsu, tổng tư lệnh Nhật, quyền chức toàn quyền của Pháp ở Đông Dương, rồi bắt đầu nói chuyện. Trong cuộc nói chuyện chỉ có viên tổng tư lệnh, viên cố vấn và tôi. Viên tối cao cố vấn phiên dịch tiếng Việt ra tiếng Pháp. Nói câu nào, trước khi phiên dịch ra tiếng Pháp hay tiếng Nhật, viên ấy biên lấy những câu hỏi và những câu đáp lại.

Trước hết tôi nói: "Quân đội Nhật đã đánh quân đội Pháp và công nhiên hứa hẹn trả quyền tự chủ cho nước Việt Nam. Bởi vậy tôi không quản tuổi già và sự khó khăn của hoàn cảnh mà đứng ra lập chính phủ. Tôi làm việc một lòng giúp nước tôi, cũng như các ông lo việc giúp nước Nhật, thế mà thấy nhiều người nói nọ nói kia rất khó chịu. Nếu các ông cho tôi là người làm việc cho nước Nhật, việc ấy không phải là phận sự của tôi, tôi sẵn lòng xin lui".

Tổng tư lệnh Nhật nói:

"Bao giờ người Nhật cũng giữ lời hứa hẹn nên những việc nội trị trong nước Việt Nam là không can thiệp đến. Còn những việc chưa giải quyết được là vì cần phải có thì giờ để thu xếp cho ổn thỏa. Cụ đừng nghe người Nhật hay người Việt Nam nói nhảm không có căn cứ gì. Vả tôi phụng mệnh Thiên Hoàng sang đây, việc gì cũng trách cứ ở tôi, cụ đừng ngại."

"Ngài đã nói thế, phận sự của chính phủ chúng tôi là phải thu lại mấy thành thị Hà Nội, Hải Phòng, Đà Nẵng và toàn hạt đất Nam Bộ cho nước Việt Nam. Nếu việc ấy không xong, thì chúng tôi đối với quốc dân không có nghĩa lý gì cả."

"Chúng tôi bao giờ cũng định trả lại các lãnh thổ Việt Nam cho chính phủ Việt Nam. Nhưng vì sợ các ông chưa xếp đặt được sẵn sàng, nên còn trì hoãn lại ít lâu."

"Chúng tôi vẫn sẵn sàng về việc ấy, chỉ còn đợi sự quyết định của các ông mà thôi."

"Vậy thì cụ định bao giờ lấy lại ba thành thị kia?"

"Nếu ngài bằng lòng, thì tôi xin lấy ngay từ bây giờ."

Viên tổng tư lệnh Nhật nghĩ một lúc rồi nói:

"Vậy xin để đến sáng ngày kia, vào 11 giờ cụ cho làm lễ thu nhận ba thành thị ấy. Còn Nam Bộ thì có nước Cao Miên còn lôi thôi về mấy tỉnh ở biên giới."

Tôi nói:

"Việc ấy hiện bây giờ không thành vấn đề được, vì địa giới Nam Bộ ngày nay với địa giới Nam Bộ ngày trước không có gì thay đổi. Vậy phận sự chúng tôi là phải lấy lại toàn lãnh thổ của tổ quốc. Còn như Cao Miên có muốn nói chuyện gì về việc ấy, thì sẽ nói chuyện với chúng tôi về sau. Và theo ý tôi, thì nước Cao Miên muốn thừa cơ chiếm lấy một ít đất của Nam bộ, như thế làm mất cái tinh thần thân thiện của hai nước lân bang, và không đời nào dân Việt Nam chịu."

Tổng tư lệnh Nhật cứ viện hết lý do nọ đến lý do kia, thành ra cứ bàn cãi đến một ngày mới chịu nhận lời trả lại Nam bộ. Có một điều nên biết, là từ ngày tôi ra Hà Nội, người Nhật nói chuyện rất hòa nhã và có vẻ cung kính, chứ không có điều gì trịch thượng hay gai gạnh. Khi họ đã nhận lời trả lại đất Nam bộ, có hỏi tôi rằng: "Bao giờ cụ định vào nhận lấy đất Nam bộ, hay cụ định cho ai đi thay cụ". Tôi nghĩ trong cái việc khó khăn này, mình phải đi mới được, và tôi nói: "Tôi về Huế vài ngày để tâu bày mọi việc với Hoàng Thượng, rồi độ chừng ngày mùng 8 tháng tám là tôi đã ở Sài Gòn rồi".

Tổng tư lệnh Nhật nói: "Cụ định vào thì hôm ấy tôi cũng vào, để xếp đặt mọi chuyện cho chóng xong".

Tôi nói: "Cám ơn ngài. Được như thế thì có thể tránh được mọi sự khó khăn lặt vặt".

Việc lấy lại toàn lãnh thổ Việt Nam như thế là quyết định xong. Tôi nói đến việc lấy lại các công sở trước thuộc về chính phủ Đông Dương toàn quyền. Tổng tư lệnh Nhật nói việc ấy có nhiều sự phức tạp vì các công sở ấy quan hệ đến các nước lân bang như Cao Miên và Ai Lao nữa.

Tôi nói: "Các ông đã đánh đổ các thuộc địa của Pháp, đã nhận cho Việt Nam, Cao Miên và Ai Lao được tự chủ thì các công sở ấy theo lẽ tất nhiên là phải trả lại cho các nước ấy. Còn sự giao thiệp về quyền lợi riêng của mấy nước chúng tôi, sẽ theo tình thân thiện mà bàn với nhau".

Có một điều tôi nhất định đòi cho được, là phải bỏ chế độ Phủ Toàn Quyền cũ, mới hợp cái nghĩa tự chủ của ba nước trong xứ Đông Dương.

Sau cuộc đàm phán hơn một ngày bàn về chi tiết việc giao trả lại chính phủ Việt Nam hết thảy các công sở, như sở hỏa xa, sở công an, vì còn chiến tranh, người Nhật xin để riêng mấy phòng cho họ hợp tác với người Việt Nam. Tôi nghĩ: trong lúc đầu còn lắm sự khó khăn, ta phải tạm nhượng bộ ít nhiều, để cho êm chuyện. Tôi ưng thuận. Còn ngày thu nhận các công sở ấy định vào ngày 15 tháng tám mà bây giờ là ngày mùng 2 tháng tám dương lịch.

Nhưng công việc và mấy vấn đề trên xong đâu đấy rồi, tôi xin tổng tư lệnh Nhật tha và trả lại cho chính phủ Việt Nam hết thảy những sĩ quan và quân lính Việt Nam mà quân đội Nhật còn giam giữ ở các nơi, để chúng tôi tổ chức lại quân đội bảo an. Và nhân vì súng ống không có, tôi

lại xin cho chúng tôi đủ súng ống đạn dược để những đội bảo an ấy dùng. Tổng tư lệnh Nhật nhận lời và tạm cho Bắc bộ 2000 khẩu súng và đạn dược. Tôi về lập tức cho gọi đại úy Thu và một trung úy đã được tha tù trước làm chương trình cải tổ các đội bảo an.

Tôi xin tha cho những thanh niên bị hiến binh Nhật bắt vì theo Việt Minh. Lúc ấy phần nhiều thanh niên hăng hái quá thường hay bạo động. Tổng tư lệnh Nhật gọi viên đại tá coi hiến binh Nhật đem sổ cho tôi xem, thì chỉ thấy độ 300 người bị bắt, chứ không như người ta đồn có tới hàng ngàn người, và có non một trăm người đã được tha rồi. Những người còn phải giữ lại là vì có chứng cứ, như cho tiền hay đã đi hội họp ở chỗ nào.

Tôi lấy mọi lẽ giải thích sự hành động của thanh niên, và bảo người Nhật rộng lượng mà tha hết cả ra, để khỏi làm náo động lòng người. Hiến binh Nhật hứa sẽ xét chóng mà tha dần ra. Ngày hôm sau họ tha ra được năm, sáu chục người.

Nói rút lại, chúng tôi ra Hà Nội, điều đình với tổng tư lệnh Nhật được kết quả như là: lấy lại toàn lãnh thổ của nước Việt Nam, thu hết các công sở thuộc phủ toàn quyền cũ của Pháp, lấy hết các binh sĩ Việt Nam để tổ chức đội quân bảo an, lấy được 2000 khẩu súng mới và đạn dược, và xin tha được một số thanh niên bị bắt.

Sự điều đình của chúng tôi được ổn thỏa dễ dàng, có lẽ vì người Nhật tự biết họ sắp thua nên họ đổi thái độ để mua chuộc lòng người. Hay là họ có ý gì khác nữa, ta không thể biết được.

Lúc ấy chúng tôi còn dự định làm nhiều việc khác, nhất là chương trình cải tổ quân đội, luyện tập quân lính đề phòng khi hữu sự. Nếu có thì giờ thì hành được, thì độ năm bảy tháng, hay độ một năm, sẽ có kết quả khả quan lắm. Song ý người định thế, mà trời không cho làm thì sao?

Chúng tôi phải thu xếp về Huế. Giá lúc ấy có một người làm khâm sai ở Bắc bộ cương quyết và hiểu việc, thì các việc tổ chức có thể mau chóng hơn, nhưng ông Phan Kế Toại là người chuyên làm việc trong thời bảo hộ của Pháp, tuy trong sạch hơn cả, song chỉ là một ông quan biết thừa hành mệnh lệnh, chứ về đường chính trị thì không thông thạo lắm, và tính lại nhát. Ông thấy một đường thì người Nhật làm khó dễ, một đường thì bọn Việt Minh bạo động, nay đánh chỗ này, mai đánh chỗ nọ, ông sợ hãi và chán nản, chỉ nói chuyện xin từ chức.

Phàm những người cầm quyền bính trong tay mà có những người tể nhị tài giỏi, biết quyền biến, giúp việc thì dù việc dở cũng hóa hay, mà không thì việc hay cũng hóa dở. Đó là điều các nhà làm chính trị nên chú ý.

Trước tôi thấy cách làm việc của ông Toại rất lộn xộn, tôi đã muốn tìm người thay, nhưng tìm ai? Người nói giỏi thì nhiều, mà người làm được việc thì ít. Nếu ở trong quan trường cũ có người tài cán và hiểu việc thì hơn, vì chức khâm sai là một chức kiêm cả việc chính trị và cai trị. Việc cai trị không có lịch duyệt không làm được. Ông Toại là người làm quan có tiếng hơn cả mà còn như thế, huống người khác rồi ra sao. Vì thế nên tôi cứ trù trừ mãi. Sau ông Toại cứ nài. Tôi nghe nói ông Nguyễn Tường Long là người biết chính trị và có nghị lực hơn cả, nhưng lúc ấy ông đang bị bệnh thương hàn. Tôi nghĩ đến ông Nguyễn Xuân Chữ là người trong Việt Nam Ái Quốc Đảng, có tính cương quyết và đứng đắn. Tôi gặp ông Chữ nói chuyện, ông đã nhận lời, nhưng hôm sau ông về bàn tính thế nào lại đổi ý, nói xin để thông thả.

Tôi thì vội về mà người thì không có. Tôi phải bảo ông Toại phải cố ở lại mà làm việc cho đến khi tôi thu xong đất Nam bộ, tôi sẽ tìm người thay. Ông Toại nể tôi mà ở lại.

Đảng Việt Minh lúc ấy rất hoạt động, đánh huyện này, phá phủ kia. Lính bảo an ở các nơi phần nhiều bị Việt Minh tuyên truyền, tuy chưa theo hẳn, nhưng không chống cự nữa. Dân gian bấy giờ rất hoang mang, một đường có chính phủ quốc gia, nhưng vì thời gian eo hẹp, chưa kịp sắp đặt gì cả. Công việc thấy có nhiều sự khốn khó mà thường nghe sự tuyên truyền của Việt Minh, nói họ đã có các nước Đồng Minh giúp đỡ cho nước Việt Nam được hoàn toàn độc lập. Dân ta từ khi bị người Pháp sang cai trị, cứ khao khát độc lập, nay nghe Việt Minh nói thế, lại

nghe nói đảng Việt Minh lên cầm quyền, dân không phải đóng thuế nữa, được hoàn toàn tự do và có nhiều hạnh phúc, thành ra ai cũng tin theo. Ngay những đạo thanh niên tiền tuyến do bộ Thanh Niên lập ra, cũng có ý ngả về Việt Minh.

Tôi thấy tình thế ấy, tôi bảo ông Phan Kế Toại đi tìm một vài người Việt Minh đến nói chuyện, vì lúc ấy tôi còn tưởng đảng Việt Minh dù theo chủ nghĩa cộng sản, nhưng chắc cũng nghĩ đến tương lai nước nhà. Hôm sau ông Toại đưa một thiếu niên Việt Minh đến, tôi nói: "Chúng tôi ra làm việc chỉ vì nước mà thôi, chứ không có ý cầu danh lợi gì cả, tôi chắc đảng các ông cũng vì nước mà hành động. Nếu vậy chúng ta tuy đi con đường khác nhau, nhưng cũng một mục đích như nhau, các ông thử xem ta có thể hợp tác với nhau, kẻ ở trong người ở ngoài, để cứu nước được không?".

Người ấy nói:

"Sự hành động của chúng tôi đã có chủ nghĩa riêng và có chương trình nhất định để đem nước đến chỗ hoàn toàn độc lập. Chúng tôi có thể làm lấy được."

"Sự mưu cầu cho nước được độc lập cũng là mục đích của chúng tôi, nhưng vì đi đường thẳng có nhiều sự khó khăn nên chúng tôi phải uyển khúc mà đi từ từ có lẽ chắc chắn hơn."

"Chúng tôi chỉ có một con đường thẳng đi đến hoàn toàn độc lập chứ không có hai."

"Theo như ý các ông như thế, tôi sợ rất hại cho dân, mà chưa chắc đã thành công được."

"Chúng tôi chắc thế nào cũng thành công. Nếu có hại cũng không cần, có hại rồi mới có lợi. Dù người trong nước mười phần chết mất chín, chúng tôi sẽ lập một xã hội mới với một thành phần còn lại, còn hơn với chín phần kia."

Rồi người ấy ngồi đọc một bài hình như đã thuộc lòng để kể những công việc của đảng Việt Minh. Tôi thấy thái độ người ấy như thế, tôi biết không thể lấy nghĩa lý nói chuyện được.

Tôi nói:

"Nếu các ông chắc lấy được quyền độc lập cho nước nhà, các ông không vào chính phủ làm việc, cần gì phải đánh phá cho khổ dân?"

"Chúng tôi sẽ cướp lấy quyền để tỏ cho các nước Đồng Minh biết chúng tôi mạnh, chứ không chịu để ai nhường."

"Các ông chắc là các nước Đồng Minh tin ở sức mạnh của các ông không?"

"Chắc lắm. Chắc trăm phần trăm."

"Tương lai còn dài, các ông nhận lấy trách nhiệm đối với quốc dân và lịch sử."

Xong việc ấy rồi cách hai hôm sau chúng tôi về Huế. Ông Phan Anh và ông Vũ Văn Hiến cùng về với tôi, còn ông Hoàng Xuân Hãn ở lại Hà Nội đợi đến ngày thu nhận sở Đông Dương Học Chính và sở Công Chính.

Về đến Huế chúng tôi tâu bày mọi việc cho vua Bảo Đại biết. Ngày tỏ ý vui vẻ lắm. Đến khi họp hội đồng chính phủ trình bày công việc và kết quả việc chúng tôi ra Hà Nội, tôi vừa nói xong, ông Trần Văn Chương bộ trưởng ngoại giao nói: "Cụ ra Hà Nội lần này thành công là nhờ sự điều đình của tôi, khi tôi ra Hà Nội lần trước". Tôi nghe lời ông Chương nói, rất ngạc nhiên, vì lúc ấy tôi không nghĩ đến công cán gì cả. Lời ông Chương nói tỏ ra cái ý tranh công. Ngày trước tôi vẫn thường nói với các bộ trưởng: "Chúng ta cùng nhau hết lòng làm việc giúp nước, xin đừng ghen tị gì cả. Nếu ai làm được việc gì ích lợi là công chung tất cả của chúng ta. Hễ tôi làm không nổi và có ai sẵn lòng thay tôi, tôi xin nhường ngay". Sự tôi muốn nhường đó, ông Chương biết rõ hơn mọi người khác.

Tôi đáp lại ông Chương: "Việc tôi nói đây để trình bày những việc đã làm để nội các biết. Nếu có được một chút hiệu quả nhờ sự điều đình của ông Chương khi trước, càng hay. Thế tỏ ra công chung của mọi người trong nội các".

Sự thật sau khi ông Trần Văn Chương ra Hà Nội, có viên trung tướng tham mưu trưởng của tư lệnh bộ Nhật ở Đông Dương tôi đã gặp khi trước, lúc mới ở Băng Cốc về Sài Gòn, viên ấy ở Hà Nội trở vào nam, đi qua Huế có viết cho tôi lá thư bằng tiếng Nhật, nhờ ông Yokohama dịch ra tiếng Pháp đưa tận tay cho tôi. Đại ý trong thư nói: "Việc ông bộ trưởng ngoại giao ra Hà Nội không có kết quả, vì ông ấy không biết giao thiệp, làm méch lòng người Nhật". Tôi đưa thư ấy cho ông Hoàng Xuân Hãn và ông Phan Anh xem, để rõ tình thực.

Xong việc ấy, nói đến việc đi vào Nam Bộ. Thấy ý kiến các ông bộ trưởng phân vân. Ông Trần Đình Nam, bộ trưởng bộ nội vụ, nói: "Nếu cụ đi Nam, ở Huế nếu có xảy ra việc gì, không ai chịu trách nhiệm". Ông Hồ Tá Khanh, bộ trưởng bộ kinh tế, đưa thư nói đại ý: "Phong trào Việt Minh mạnh lắm, nội các Trần Trọng Kim nên thôi đi, để họ làm việc may ra họ cứu được nước". Tôi nói: "Sự tôi thôi, thì tôi đã dự định rồi, nhưng để lấy lại đất Nam Bộ cho trọn công việc của mình, tôi thôi ngay".

Tôi thấy việc đi Nam có nhiều sự cản trở, trong nội các không có hòa khí như lúc đầu, và có lắm chuyện nhỏ mọn không muốn nói ra, làm tôi mất cả lòng hăng hái làm việc, thành ra đến ngày mùng 8 tháng tám tôi vẫn không đi Nam được. Tổng tư lệnh Nhật ở Hà Nội vào Sài Gòn không thấy tôi, điện ra giục. Tôi điện vào xin cứ cho lấy lại Nam bộ, tôi không phải vào Nam nữa.

Được tin người Nhật ưng thuận, và lúc ấy có ông Nguyễn Văn Sâm lãnh tụ đảng Quảng Xã, vừa ở Sài Gòn ra Huế. Tôi vào tàu vua Bảo Đại, xin cử ông Sâm làm Nam Bộ Khâm Sai. Ngày 14 tháng tám năm 1945, ông Sâm được sắc chỉ bổ vào Nam. \

Ông Nguyễn Văn Sâm đi rồi, tôi cho công việc làm của tôi như thế tạm xong. Tôi nói tạm xong, vì lúc ấy tôi tưởng Nhật khéo léo lắm cũng chỉ được năm bảy tháng nữa là cùng, rồi ra quân Đồng Minh kéo lên Đông Dương, những việc đã làm đó, ai kể vào đâu. Song dù sao nó cũng thành cái hẳn, cái nếp, thành một việc đã có rõ ràng, theo tình thế chính trị, người ta không thể xóa bỏ hẳn đi được.

Việc lấy lại đất Nam Bộ xong, tôi vào tàu vua Bảo Đại, xin cho tôi từ chức. Ngài nói: "Ông đang làm được việc, sao lại xin thôi, và ông thôi lấy ai thay". Tôi trình lên mấy người, ngài tỏ vẻ không thuận, bảo: "Các ông hãy tạm làm việc, chờ đến khi tìm được người ra lập nội các hãy thôi".

Lúc ấy tôi như cất được gánh nặng, nhưng tìm ai thay? Tôi nghĩ nên tìm những người thuộc về các đảng phái như Ngô Đình Diệm, Nguyễn Xuân Chữ, Lê Toàn, Tạ Thu Thâu, Hồ Hữu Tường, Đặng Thái Mai v...v... đã có tiếng hoạt động về chính trị, để vào lập nội các mới. Tôi điện đi các nơi mời những người ấy vào Huế, nhưng sợ một bức điện không được rõ, tôi nhờ ông Phan Anh ra Bắc và ông Hồ Tá Khanh vào nam gặp mọi người và nói chuyện cho rõ đầu đuôi. Nhưng ông Phan Anh ra đến vùng Phủ Diễn bị quân Việt Minh bắt giữ lại, ông Hồ Tá Khanh vào đến Quảng Ngãi cũng bị giữ lại. Đang lúc ấy được tin nước Nhật Bản bị bom nguyên tử không chịu nổi phải xin hàng.

Vua Bảo Đại gọi tôi vào nói: "Trong lúc rối loạn như thế này, các ông hãy lập ra lâm thời chính phủ để đợi xem tình thế biến đổi ra sao đã". Tôi bắt buộc dĩ phải tạm ở lại. Lâm thời chính phủ vừa làm việc mấy ngày, ông Phan Kế Toại điện vào xin từ chức. Lúc ấy bọn ông Nguyễn Xuân Chữ, Trần Văn Lai xin lập Ủy Ban Cứu Quốc. Chính phủ nhận lời. Cách hai ngày sau, ngày 19 tháng tám, các công chức ở Hà Nội nghe bọn Việt Minh xúi tổ chức cuộc biểu tình. Đảng Việt Minh nhân cơ hội ấy chiếm lấy Bắc Bộ. Được mấy ngày ông Hồ Chí Minh về làm chủ tịch chính

phủ lâm thời. Các đoàn thể thanh niên và các người trí thức ở bắc bộ điện vào Huế xin vua Bảo Đại thoái vị và nhường cho Hồ Chí Minh.

Trong tình thế nguy ngập như thế, ở Huế còn có người bàn sự chống cự. Tôi muốn biết rõ sự thực, liền gọi trung úy Phan Tử Lăng người đứng coi đoàn thanh niên tiền tuyến ở Huế, hỏi xem có thể trông cậy bọn ấy được không. Trung úy Trương Tử Lăng nói: "Tôi có thể nói riêng về phần tôi thì được. Còn về phần các thanh niên tôi không dám chắc".

Bọn thanh niên tiền tuyến trước rất nhiệt thành nay còn thế, hướng chỉ những lính bảo an và lính hộ thành tất cả độ vài trăm người; những lính để canh giữ công sở, súng ống không ra gì, đạn dược không đủ, còn làm gì được, cũng bị Việt Minh tuyên truyền xiêu lòng hết cả rồi. Lúc ấy chỉ còn cách lui đi là phải hơn cả.

Tôi vào tàu vua Bảo Đại: "Xin ngài đừng nghe người ta bàn ra bàn vào. Việc đã nguy cấp lắm rồi, ngài nên xem lịch sử của vua Louis XVI bên Pháp và vua Nicholas II bên Nga mà thoái vị ngay là phải hơn cả. Vì dân ta đã bị bọn Việt Minh tuyên truyền và đang hăng hái về việc cách mệnh như nước đang lên mạnh, mình ngăn lại thì vỡ lở hết cả. Mình thế lực đã không có, bọn Việt Minh lại có dân chúng ủng hộ, nên để cho họ nhận lấy trách nhiệm bảo vệ nền độc lập của nước".

Vua Bảo Đại là ông vua thông minh, hiểu ngay và nói: ***"Trẫm có thiết gì ngôi vua đâu, miễn là bọn Việt Minh giữ được nền tự chủ của nước nhà là đủ. Trẫm muốn là người dân của một nước độc lập còn hơn làm vua một nước nô lệ"***.

Nhờ ngài có tư tưởng quảng đại nên có tờ chiếu thoái vị. Khi tờ chiếu ấy tuyên bố ra, nhân dân có nhiều người ngậm ngùi cảm động, nhưng lúc ấy phần tình thế nguy ngập, phần sợ hãi, còn ai dám nói năng gì nữa. Đến bọn thanh niên tiền tuyến, người chính phủ tin cậy cũng bỏ theo Việt Minh, bọn lính hộ thành của nhà vua cũng không nghĩ đến nữa. Còn các quan cũ lẫn nấp đâu mất cả. Thật là tình cảnh rất tiêu tụy. Nếu không mau tay lui đi, tính mệnh nhà vua và hoàng gia chưa biết ra thế nào.

Lúc bấy giờ người Nhật có đến bảo tôi: "Quân đội Nhật còn trách nhiệm giữ trật tự cho đến khi quân Đồng Minh đến thay. Nếu chính phủ Việt Nam công nhiên có lời mời quân Nhật giúp, quân Nhật còn có thể giữ trật tự". Tôi nghĩ quân Nhật đã đầu hàng, quân Đồng Minh sắp đến, mình nhờ quân Nhật đánh người mình còn nghĩa lý gì nữa, và lại mang tiếng "cống rắn cắn gà nhà". Tôi từ chối không nhận.

Sau thấy những người ở ngoài không biết rõ tình thế nói: lúc ấy giá chính phủ không lui vội, tìm cách chống cự lại, Việt Minh không làm gì được, vì họ không có binh lực gì cả. Về đường binh lực, lúc ấy Việt Minh không có gì thật. Nhưng cái phương lược của họ đánh bằng tuyên truyền, bằng lối quỷ quyệt lừa dối để lôi kéo dân chúng đi theo, chứ không đánh bằng binh khí. Sự tuyên truyền của họ đã có ngấm ngấm từ lâu trước khi quân Nhật đảo chính chứ không phải bây giờ mới có. Mình đem một vài trăm người trông cậy được ra chống với mấy vạn người toàn thanh niên thuyền thợ và đàn bà trẻ con, lại có những người Việt Minh táo tợn đứng sau lưng xui khiến, chống sao được? Chẳng qua chỉ gây một cuộc đổ máu vô ích, cốt chỉ bảo cho Việt Minh chớ có cướp phá. Mình đã mở cửa mời họ còn đánh phá gì nữa. Lúc bấy giờ chúng tôi nghĩ: họ đã thắng thế, dù sao họ cũng lo đến sự kiến thiết của nước nhà, nên chúng tôi mong ít có sự phá hại.

Việt Minh đã lên cầm quyền, vua Bảo Đại đã thoái vị, tôi ra ở nhà đã thuê từ trước tại làng Vĩ Dạ gần Huế. Được mấy ngày, Việt Minh vào đưa vua Bảo Đại, bấy giờ gọi là công dân Vĩnh Thụy, ra làm Tối Cao Cố Vấn ở Hà Nội để dễ quản thúc.

Sau thấy có người, hoặc vì tuyên truyền, hoặc vì không biết rõ sự thực nói: *Chính phủ Trần Trọng Kim là một chính phủ bù nhìn*, ý nói là chúng tôi ra làm việc để bọn Nhật sai khiến. Tôi dám cả tiếng bác lời nói đó.

Ngay từ lúc đầu, khi mới lập xong nội các, tôi đi với ông Hoàng Xuân Hãn sang phòng làm việc của viên tối cao cố vấn Nhật, gặp ông Yokohama để đòi lại dinh khâm sai, dinh khâm sứ cũ của Pháp, để làm dinh nội các tổng trưởng. Ông Yokohama lúc đầu còn do dự và thấy những công chức Nhật muốn cản trở. Tôi quả quyết nói: "Nếu các ông không trả chúng tôi dinh ấy và các phòng làm việc của viên khâm sứ thì chúng tôi thôi ngay. Vì không phải chúng tôi muốn ở dinh lớn, nhưng đó là biểu hiệu quyền tự chủ của nước Việt Nam theo lời hứa hẹn của người Nhật sau cuộc đảo chính ngày mùng 9 tháng ba. Những dinh thự ấy bây giờ là của Việt Nam". Ông Yokohama thấy tôi nói thế, liền nhận lời trả ngay, và xin để riêng mấy phòng trên lầu của phủ khâm sứ cũ cho nhân viên sở tối cao cố vấn làm việc, vì ở ngoài phố không có nhà khác.

Từ đó về sau, khi có việc gì, tôi gọi điện thoại mời viên cố vấn sang bên dinh nội các tổng trưởng nói chuyện chứ tôi không sang bên ấy. Việc ấy ở Huế ai cũng biết.

Lúc đầu người Nhật có ý muốn đòi khi chính phủ Việt Nam có việc làm gì quan hệ, phải hỏi trước viên tối cao cố vấn, có thuận mới được làm. Tôi bác đi, viện lẽ việc nội trị là việc chúng tôi, lẽ nào lại phải xin phép rồi mới được làm. Người Nhật đã đứng vào địa vị cố vấn, khi nào có việc hệ trọng, chúng tôi sẽ thông báo cho biết là đủ. Lúc ấy cũng được ông Yokohama là người thạo việc ngoại giao và am hiểu tình thế, nên mọi việc đều được êm ái và ổn thỏa.

Các tỉnh có những người quen thói cũ, hễ có việc gì, chạy đi cầu cứu người Nhật. Tôi còn nhớ, có một người con người bạn cũ của tôi, làm y sĩ trong cuộc y tế của một tỉnh khác, chạy đi nhờ một viên sĩ quan Nhật can thiệp để xin ở lại. Tôi thấy thế, liền bảo ông bộ trưởng y tế bắt người y sĩ ấy phải đi ngay, để tỏ cho biết chính phủ Việt Nam không phải dưới quyền sai khiến của người Nhật.

Như thế chúng tôi có phải là một chính phủ bù nhìn, cứ luồn cúi dưới quyền đàn áp của người Nhật không? Chính vua Bảo Đại đã hiểu rõ sự ấy, nên khi ngài ở Hương Cảng có nói chuyện với một phóng viên của một tờ báo bên Pháp: "Người Nhật thấy chúng tôi cương ngạnh quá, tỏ ý tiếc đã để chúng tôi làm việc".

Còn những công việc chúng tôi đã làm trong mấy tháng tôi đã kể rõ ở trên. Đối với dân chúng tôi đã tìm cách nâng cao dân trí lên. Người nào làm bậy có chứng cứ rõ ràng thì theo luật pháp mà trừng trị rất nghiêm. Chúng tôi lấy lại toàn lãnh thổ của tổ quốc và làm mọi việc không có điều gì nhục đến quốc thể. Đó là chỗ chúng tôi tự hào, trong khi làm việc, không để cho ai lấy uy quyền đè nén, và đối với lương tâm không có gì đáng hổ thẹn.

Tôi ra ở làng Lại Thế. Lúc đầu ông Trịnh Đình Thảo, nguyên bộ trưởng bộ tư pháp, đến ở với chúng tôi hơn một tháng mới trở về Sài gòn. Chúng tôi ở đấy ngày ngày nghe tiếng trống mõ của dân làng, đàn bà trẻ con và dân đinh vác dao vác gậy đi biểu tình. Một hôm lại thấy đồn rầm lên rằng: "Trong bốn nước Đồng Minh Mỹ, Anh, Nga và Tàu, mỗi nước được hai phiếu, mà Mỹ và Nga đã bỏ bốn phiếu, Tàu bỏ một phiếu tức là được năm phiếu cho nước Việt Nam hoàn toàn độc lập. Vậy các dân làng phải sửa soạn ăn mừng độc lập". Rồi sau lại thấy mở cuộc quyền vàng khắp cả nước. Ai có vòng xuyên hoa tai hoặc đồ gì bằng vàng phải đem nộp chính phủ để tổ chức việc nước. Hết cuộc quyền vàng đến cuộc quyền đồng, đủ mọi thứ.

Trong hoàng thành, Việt Minh cho người vào lấy những bảo vật và y phục của các vua chúa đời trước đem ra chợ bán. Khi quân Nhật sắp hàng có đưa trả lại chính phủ Việt Nam bốn tấn bạc bằng thoi chờ vào để trong cung, số bạc ấy không biết về sau ai lấy mất.

Bấy giờ tôi không có tiền, may nhờ chính phủ Việt Minh ở Huế trả tôi 1.600 đồng, tiền lương quá nửa tháng cuối cùng của tôi, tôi mới có tiền chi tiêu. Trong khi đó tôi cho con ra Hà Nội thu

xếp rồi vào đem chúng tôi ra. Nhưng ra Hà Nội con tôi lo tiền chưa được, thành ra chúng tôi phải ở lại Huế hơn ba tháng. Đắt khách quê người hiu quạnh buồn bã, chỉ một mình vui với trăng, gió mát, với trời mưa nước lụt, ngồi nghe chim hót, ngắm cò bay, khi hứng thì đem Đường thi ra dịch, nhờ thế khuây khỏa được qua ngày.

Chờ mãi không thấy con vào, may nhờ có một người đến chơi, biết rõ tình thế của tôi, tự nhiên giúp tôi món tiền, chúng tôi mới thuê mấy chỗ trên xe hơi chờ hàng đi Hà Nội.

Ấy thế là xong một giấc mộng Nam Kha, bận rộn hơn bốn tháng trời, nghĩ lại thấy nực cười. Khi ở Băng Cốc về, tôi vẫn định bụng không làm gì cả, mà thành ra phải làm việc này đến dự định làm việc nọ, rút cục tay không lại hoàn tay không.